

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21-02-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Thiện

Ông Nguyễn Văn Kiểm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Xuân Trường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Lương N, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2024, Bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Lương N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn tháng 9 năm 2011, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn C, xã N. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế, anh C đi làm uống rượu về đánh đập con. Từ cuối tháng 5 năm 2024 chị nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 17/11/2012; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 10/8/2015 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 08/11/2018. Hiện con chung đang ở chị, vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi 03 con chung, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C. Về con chung: chị xin được nuôi dưỡng con chung 03 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 17/11/2012; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 10/8/2015 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 08/11/2018, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C trong quá trình giải quyết vụ án anh C không đến Tòa án làm việc, không nộp cho Tòa án bản tự khai trình bày ý kiến về việc chị N xin ly hôn với anh và yêu cầu giải quyết về con chung, tại phiên tòa anh C vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Trần Thị Lương N được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: giao cho chị N nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 17/11/2012; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 10/8/2015 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 08/11/2018, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về án phí: chị Trần Thị Lương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: chị Trần Thị Lương N khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh Nguyễn Văn C có nơi thường trú tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa anh C vắng mặt nhưng đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh C kết hôn với nhau năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế, anh C uống rượu về đánh con. Từ tháng 5 năm 2024, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh C. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương cho biết anh Nguyễn Văn C kết hôn với chị Trần Thị Lương N năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng chị N, anh C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau. Đến nay, chị N xin ly hôn anh C đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy, chị N và anh C đã sống ly thân, anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị N được ly hôn anh C là phù hợp.

[3] Về con chung: chị N và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 17/11/2012; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 10/8/2015 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 08/11/2018. Vợ chồng ly hôn, chị N xin được nuôi dưỡng 03 con chung, chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: chị N và anh C có 03 con chung chưa thành niên, chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con chung. Chị N hiện làm công nhân có thu nhập ổn định nên đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại Bản tự khai cháu D, cháu L và cháu A có nguyện vọng được ở với chị N. Tại biên bản làm việc với ông Trần Tiến T là bố đẻ của chị N xác định gia đình ông sẽ tạo điều kiện, chăm sóc, đưa đón cháu D, cháu L và cháu A đi học. Kể từ khi chị N và các con về chung sống cùng gia đình ông, các con của chị N đều khoẻ mạnh. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống và học tập, chăm sóc con chung nên cần giao cho chị N nuôi dưỡng cháu D, cháu L và cháu A là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do chị N tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Sau khi ly hôn anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và G.

[4] Về tài sản chung: chị N không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Lương N được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: giao cho chị Trần Thị Lương N nuôi con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 17/11/2012; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 10/8/2015 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 08/11/2018. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị Lương N.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Nguyễn Văn C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Trần Thị Lương N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007169 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Trần Thị Lương N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Thiệp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Thị Oanh**